

Bản án số: 370/2026/HS-ST
Ngày: 28/7/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Đình Tiến
- Ông Bùi Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 390/2026/TLST-HS ngày 10/6/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 517/2026/QĐXXST-HS ngày 16/7/2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N; sinh ngày: 03/07/1986; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 866/2/6 Q, khu phố C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 866/2/6 Q, khu phố C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị N1 (đã chết); có vợ Phạm Thị Xuân M (là bị cáo trong vụ án); có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 19/12/2025. (Có mặt)

2. Phạm Thị Xuân M; sinh ngày 08/02/1989; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 866/2/6 Q, Khu phố C, phường H, Thành phố H1; nơi ở hiện tại: 866/2/6 Q, Khu phố C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Nhâm Xuân L; có chồng Nguyễn Văn N (là bị cáo trong vụ án); có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 19/12/2025. (Có mặt)

3. Võ Thị Ngọc N2; sinh ngày: 22/7/1987; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 129/19/22 T, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 5 Đ, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc G; có chồng L1; có 04 con, lớn nhất sinh năm 2007,

nhỏ nhất 2023; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 19/12/2025. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị N3, sinh năm 1987, địa chỉ: Ấp B, T, xã B, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 01 giờ 45 phút ngày 17/12/2025, tổ tuần tra 363 Công an phường K tuần tra đến trước hẻm E Đ, phường K phát hiện Nguyễn Văn N điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 70C1-079.57 chở Phạm Thị Xuân M có biểu hiện nghi vấn nên tổ tuần tra tiến hành kiểm tra hành chính và mời về trụ sở Công an phường K làm việc. Tại trụ sở Công an, tiến hành kiểm tra điện thoại của M phát hiện có nội dung liên quan đến hành vi mua bán ma túy với Võ Thị Ngọc N2. Cùng thời điểm kiểm tra thì phát hiện N2 đến giao ma túy cho N, M nên Công an phường K tiếp tục kiểm tra, phát hiện trong bàn tay trái của N2 có 01 gói nylon bên trong có chứa tinh thể nghi vấn là ma túy nên Công an phường K tiến hành đưa các đối tượng cùng tang vật về trụ sở làm việc và xét nghiệm ma túy thì N và M dương tính với M1 còn N2 âm tính với ma túy.

Tiến hành khám xét nơi ở của N và M tại số H Quốc lộ A, khu phố C, phường H thu giữ được 01 ống thủy tinh có một đầu hình phễu còn dính vết tinh thể nghi vấn là ma túy.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Văn N và Phạm Thị Xuân M khai nhận như sau: Nhớ và M là vợ chồng cùng sống tại địa chỉ 866/2/6 Quốc lộ A, khu phố C, phường H. Do cả hai đều nghiện ma túy đã nên từ khoảng tháng 01/2025 cả hai cùng thỏa thuận mua ma túy sử dụng chung nhiều lần tại phòng ngủ trên gác lửng nhà tại Đ Quốc lộ A, khu phố C, phường H. Trong đó, có 03 lần gần nhất vào các ngày 12/12/2025, 14/12/2025 và 15/12/2025. Tiền để mua ma túy là tiền của N đi làm thợ hồ về đưa cho M cất giữ, mỗi lần mua ma túy với giá 300.000 đồng đến 500.000 đồng của người tên Võ Văn H có số điện thoại 0909.541.322 (biệt danh là Q) thì N điều khiển xe gắn máy biển số 70C1-079.57 chở M đi mua. Vào ngày 17/12/2025, N và M liên lạc mua ma túy và được H cho số điện 0798.358.413 của Võ Thị Ngọc N2 chị gái của H để giao dịch mua ma túy nhưng đang trên đường đến nơi hẹn thì bị Công an phường K kiểm tra hành chính mời về làm việc. Qua xét nghiệm N và M dương tính với ma túy đá MET. Quá trình sử dụng ma túy thì sau mua ma túy về, M là người bỏ ma túy vào ống thủy tinh đốt ma túy lên hút trước một hơi ma túy, rồi M đốt cho N hút, cả 02 thay phiên đốt nóng ma túy cho nhau sử dụng đến khi hết ma túy trong ống thủy tinh.

Võ Thị Ngọc N2 khai: Vào khoảng 2 giờ 30 ngày 17/12/2025, N2 đang đi bộ đến trước địa chỉ số E Đ, phường K để bán ma túy đá cho M thì bị Công an phường K kiểm tra và phát hiện trên tay trái của N2 đang cầm 01 gói nylon chứa tinh thể là ma túy đá nên Công an phường đã mời N2 về để làm rõ sự việc. Về nguồn gốc gói ma túy mà N2 giao bán cho M là của em trai ruột N2 tên là Võ Văn H tên thường gọi là “Queo” đưa cho N2 vào khoảng 20 giờ ngày 16/12/2025 tại trước số E T, phường K. H nhờ N2 đi giao dùm ma túy cho M và nhận giúp số tiền 300.000 đồng. Từ năm 2023 đến nay, H đi

khỏi nhà, N2 cũng không biết H đang làm gì, ở đâu. H thường chỉ liên lạc với N2 qua số điện thoại 0909.541.322. N2 chỉ mới đi giao ma túy đã giúp H lần đầu tiên, N2 không nhận tiền công trong việc đi giao ma túy và cũng không biết nguồn gốc ma túy của H do đâu mà có.

Lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả đối chất, mô tả hành vi, phù hợp với chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Tại kết luận giám định số 307/KL-KTHS ngày 24/12/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với mẫu vật thu giữ của Nguyễn Văn N: Tinh thể được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0556g, loại Methamphetamine.

Tại kết luận giám định số 178/KL-KTHS ngày 23/12/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với ma túy thu của Võ Thị Ngọc N2 như sau: Tinh thể được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5368g loại Methamphetamine.

Đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ:

+ 01 ống thủy tinh có một đầu hình phễu bên trong còn dính vết tinh thể nghi vẫn là ma túy (đã tạm giữ, niêm phong).

+ 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể nghi vẫn là ma túy (đã tạm giữ, niêm phong).

+ 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 70C1-079.57. Xe do bà Lê Thị N3 (SN: 1987; HKTT: ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh) đứng tên chủ sở hữu. Bị can N khai mượn của con rể tên Lê Hoàng C, xe này do bà N3 là mẹ của C cho mượn.

+ Tạm giữ của Phạm Thị Xuân M: 01 điện thoại di động hiệu REALME màu xanh màn hình bị nứt bể, sim số: 0775.006.521, số IMEI: 868082064839706, số IMEI 2: 868082064839698; số tiền 400.000 đồng dùng để mua ma túy về để sử dụng (đã nộp kho bạc).

+ Tạm giữ của Võ Thị Ngọc N2: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A38 màu xanh, sim số 0798.358.413, số IMEI1: 864526048092117; số IMEI 2: 864526048092109 dùng để liên lạc bán ma túy cho M.

Đối với Võ Văn H là người bán ma túy cho Phạm Thị Xuân M và đưa ma túy cho Võ Thị Ngọc N2 giao ma túy cho M nhưng hiện nay H không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ nên chưa làm việc được; Bị can M và N không nhận dạng được H; đồng thời Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thông tin chủ sở hữu số điện thoại 0909.541.322 do N2 và M khai H là người sử dụng nhưng chưa có kết quả trả lời nên chưa có cơ sở để xử lý đối với H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Cơ quan điều tra đã tiến hành ra Quyết định truy tìm và Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến vụ án đối với H, khi nào tìm được H sẽ xử lý theo quy định.

Bản Cáo trạng số 83/CT-VKSHCM-KV ngày 09/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 truy tố bị cáo

+ Nguyễn Văn N, Phạm Thị Xuân M về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ

sung năm 2017.

+ Võ Thị Ngọc N2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Thị Xuân M, Võ Thị Ngọc N2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Thị Xuân M phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự cùng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị phạt bị cáo N từ 08 năm đến 09 năm tù, bị cáo M từ 08 năm đến 09 năm tù; đề nghị tuyên bị cáo Võ Thị Ngọc N2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, áp dụng khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự cùng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị phạt bị cáo N2 từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù; về phần dân sự và xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 ống thủy tinh có một đầu hình phễu bên trong còn dính vết tinh thể là ma túy (đã niêm phong), 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể là ma túy (đã niêm phong): 01 điện thoại di động hiệu REALME màu xanh màn hình bị nứt bể, sim số: 0775.006.521, số IMEI: 868082064839706, số IMEI 2: 86808206483969 thu giữ của bị cáo M, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A38 màu xanh, sim số 0798.358.413, số IMEI1: 864526048092117; số IMEI 2: 864526048092109 thu giữ của bị cáo N2, 400.000 đồng sử dụng vào liên lạc, mua ma túy nên cần tịch thu sung quỹ; 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 70C1-079.57 thu giữ của bị cáo N, bị cáo mượn của bà N3 nên cần giao trả xe lại cho bà N3.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Thị Xuân M, Võ Thị Ngọc N2 không tranh luận, bào chữa.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Thị Xuân M, Võ Thị Ngọc N2 nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Thị Xuân M, Võ Thị Ngọc N2 phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bàn giao vụ việc về an ninh trật tự, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định Nguyễn Văn N, Phạm Thị Xuân M đã cùng thỏa thuận mua ma túy đá (Methamphetamine) sử dụng với nhau nhiều lần, trong đó các lần gần nhất là vào ngày 12/12/2025, 14/12/2025,

15/12/2025. Nguồn gốc ma túy do N, M mua của Võ Văn H và mua của N2. Võ Thị Ngọc N2 có hành vi giao 01 gói nylon chứa 0,5368g là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine với giá 300.000 đồng cho M vào ngày 17/12/2025. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Thị Xuân M phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Võ Thị Ngọc N2 phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 và Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do tính chất đặc biệt của chất ma túy có thể gây tác hại rất lớn về nhiều mặt cho xã hội. Nhà nước ta cũng như cả thế giới đều ra sức đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy, mọi hành vi trái pháp luật liên quan đến ma túy đều bị nghiêm cấm và xử lý nghiêm khắc nếu có vi phạm. Vì động cơ vụ lợi, hoặc để thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo N2 đã thực hiện hành vi mua bán ma túy, bị cáo N và bị cáo M thực hiện hành vi tổ chức sử dụng ma túy. Tính nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo thực hiện còn thể hiện ở việc các bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Thị Xuân M thực hiện hành vi tổ chức sử dụng ma túy nhiều lần, là tình tiết tăng nặng định khung tăng nặng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Thị Ngọc N2 khai nhận lần đầu đi giao ma túy giùm cho H nên cần xử lý theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, cần xử lý các bị cáo bằng hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, vai trò và nhân thân của từng bị cáo để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và nêu gương phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy khả năng kinh tế của các bị cáo, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- 01 ông thủy tinh có một đầu hình phễu bên trong còn dính vết tinh thể là ma túy (đã niêm phong), 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể là ma túy (đã niêm phong) cần tịch thu tiêu hủy

- 01 điện thoại di động hiệu REALME màu xanh màn hình bị nứt bể, sim số: 0775.006.521, số IMEI: 868082064839706, số IMEI 2: 86808206483969 thu giữ của bị cáo M, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A38 màu xanh, sim số 0798.358.413, số IMEI1: 864526048092117; số IMEI 2: 864526048092109 thu giữ của bị cáo N2, 400.000 đồng sử dụng vào liên lạc, mua ma túy nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 70C1-079.57 thu giữ của bị cáo N. Xe đứng tên sở hữu bà Lê Thị N3, bị cáo mượn sử dụng vào việc phạm tội bà N3 không biết, nên cần giao trả xe cho bà N3.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025, xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Văn N 08 (T) năm tù, về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2025.

2. Bị cáo Phạm Thị Xuân M 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025, xử phạt:

3. Bị cáo Võ Thị Ngọc N2 04 (Bốn) năm tù, về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2025.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Thị Xuân M, Võ Thị Ngọc N2 để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong có chữ ký của Điều tra viên và Cán bộ điều tra, ghi số vụ 43/25 (mẫu vật hoàn lại sau giám định); 01 gói niêm phong có chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra, ghi số vụ 60/26 (mẫu vật hoàn lại sau giám định).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 400.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu REALME màu xanh (đã qua sử dụng) màn hình bị nứt bể, sim số: 0775.006.521, số IMEI 1: 868082064839706, số IMEI 2: 868082064839698; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A38 màu xanh (đã qua sử dụng), sim số 0798.358.413 có số IMEI 1: 864526048092117, số IMEI 2: 864526048092109.

+ Trả cho bà Lê Thị N3: 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen mang biển số 70C1-079.57 (đã qua sử dụng).

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số B18032/LNK-CSMT ngày 12/7/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra [HYPERLINK \l "link">\o "Công an Thành phố Hồ Chí Minh"](#) Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy nộp tiền vào tài khoản Kho bạc nhà nước Khu vực II do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ngày 08/5/2026).- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, mỗi bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Thị Xuân M, Võ Thị Ngọc N2 chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 1 - TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP.HCM;

- (1)
- (3)
- (1)
- (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (3)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (12)
- Phòng THADS khu vực 1 - TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (3)
- Đường sự; (1)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/36) (1)
- (5)

Tôn Trung Tuấn